

Bản án số: 851/2023/DS-PT

Ngày 21/12/2023

V/v “Tranh chấp thừa kế và yêu cầu
hủy di chúc”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 588/2023/DSPT ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp thừa kế và yêu cầu hủy di chúc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 802/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3129/2023/QĐPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1961; cư trú tại: 117 Phan Văn T, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1959; cư trú tại: 7890 Mayten Ave # 1055 Rancho Cucamonga CA 91730 Lanoriano Place Altaloma CA 92701, USA; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích S, sinh năm 1960; cư trú tại: 5M Phan Đăng L, Phường 3, quận Bình Th, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 07/02/2014); có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989; cư trú tại: 117 Phan V T, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 07/02/2014); có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1957; cư trú tại: 8853 Southnest Seattle, Wahsington, 98106 USA; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Triển:* Bà Nguyễn Thị Diệu M, sinh năm 1984; cư trú tại: 5M Phan Đăng L, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 23/02/2014); vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Bích S, sinh năm 1960; cư trú tại: 5M Phan Đăng L, P 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh 9; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989; cư trú tại: 5M Phan Đăng L, P 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1987. Địa chỉ: 117 Phan V T, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

5. Bà Lý Vương Kim Ph, sinh năm 1968; cư trú tại: 13/8 Tân Hòa Đ Ph 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Trẻ Nguyễn Hữu Th, sinh năm 2009.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Lý Vương Kim Ph, sinh năm 1968; cư trú tại: 13/8 Tân Hòa Đ, Ph13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

7. Trẻ Nguyễn Hữu L, sinh năm 2013.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1977; cư trú tại: 117 Phan V T, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

8. Bà Nguyễn Vương Khánh L, sinh năm 1996; cư trú tại: 13/8 Tân Hòa Đ, Ph 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

9. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1977; cư trú tại: 117 Phan V T, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

10. Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: 94-96 Ngô Q, P 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu B là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Mỹ D là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Bạch trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 117 Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông Nguyễn Hữu Tr (sinh năm 1922, chết năm 2012) và bà Nguyễn Thị R (sinh năm 1930, chết năm 2011), ông Tr và bà R có 04 (bốn) người con gồm: Ông Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Hữu Nh (Ông Nhựt chết năm 2009 - có vợ tên Lý Vương Kim Ph và 02 người con tên Nguyễn Vương Khánh L và Nguyễn Hữu T). Khi còn sống bà Nguyễn Thị R có di ngôn cho ông Nguyễn Hữu B $\frac{1}{2}$ căn nhà trên, ông Nguyễn

Hữu Tr thì nói căn nhà trên thuộc sở hữu chung của tất cả anh chị em trong gia đình, đến khi ông bà Tr, R qua đời thì ông B mới biết căn nhà trên đã có di chúc tặng cho bà Nguyễn Thị Mỹ D nên ông B nghi ngờ di chúc này là giả tạo.

Nay ông B yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ di chúc do ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị R cho bà Nguyễn Thị Mỹ D. Chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà và đất tại số 117 Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Không yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản đang tranh chấp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có người đại diện theo uỷ quyền trình bày và có yêu cầu phản tố như sau:

Về mối quan hệ huyết thống thì đúng như ông Nguyễn Hữu B trình bày, riêng đối với căn nhà số 117 Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của cha mẹ là ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị R chết để lại có lập di chúc cho toàn bộ căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vào năm 2009, có công chứng chứng thực đúng qui định pháp luật nên bà D không đồng ý theo yêu cầu của ông B là chia thừa kế và huỷ giấy di chúc trên. Trong trường hợp ông B dọn đi nơi khác bà D tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho ông Nguyễn Hữu B số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu) đồng, đồng thời đề nghị Toà công nhận di chúc trên là hợp pháp.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Điều thống nhất với lời trình bày của phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D là căn nhà số 117 Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của cha mẹ là ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị R chết để lại có lập di chúc cho toàn bộ căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vào năm 2009, có công chứng chứng thực đúng qui định pháp luật nên không đồng ý theo yêu cầu của ông B là chia thừa kế và huỷ giấy di chúc trên, đề nghị Toà án xét xử theo qui định pháp luật.

Đại diện Văn phòng công chứng số 02 xác nhận:

Việc thực hiện chứng thực di chúc của ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị R là đúng theo trình tự pháp luật qui định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 802/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 158, Điều 194, Điều 624, Điều 626, Điều 630, Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B về yêu cầu chia thừa kế theo phần và yêu cầu huỷ di chúc liên quan đến căn nhà số 117 Phan V T, Ph 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D: Công nhận di chúc số 020679, quyền số 6 lập ngày 01/6/2009 tại Phòng công chứng số 2 của ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị R là hợp pháp.

3. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời của bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Hữu B số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31/5/2023 ông B kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 802/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với hai nội dung: Di chúc ghi giao cho căn nhà 117 đường Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Diệu chứ không nói tặng cho; bà D định cư tại Mỹ từ năm 1998 đến nay đã nhập quốc tịch Mỹ và cam đoan không còn tài sản và nhận tài sản thừa kế tại Việt Nam nên công nhận di chúc cho bà D là không đúng.

Ngày 07/6/2023 bà Nguyễn Thị Bích S là người đại diện theo ủy quyền của bà Diệu kháng cáo, với lý do bản án sơ thẩm chấp nhận đơn phản tố của bà D, nhưng không tuyên buộc ông B giao trả nhà đất cho bà D là giải quyết vụ án chưa đầy đủ theo yêu cầu của bà D, đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 4646/QĐ-VKS-DS ngày 08/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 802/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của ông B, Di chúc lập ngày 01/6/2009 của cụ Nguyễn Hữu Tr và cụ Nguyễn Thị R tặng cho toàn bộ nhà đất trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được Phòng Công chứng, chứng thực đúng qui định pháp luật nên hợp pháp; ông B yêu cầu hủy di chúc và chia cho ông B 01 suất thừa kế là không có cơ sở. Bà D kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị, yêu cầu ông B giao nhà đất cho bà D là có cơ sở. Đại diện của bà D tự nguyện hỗ trợ cho ông B 02 tỷ đồng để dọn đi, giao nhà cho bà D là phù hợp nên ghi nhận; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà D, kháng nghị của Viện kiểm sát áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Văn phòng công chứng số 02 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham

gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của ông Bạch: Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7490/2002 ngày 20/3/2002 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì căn nhà số 117 đường Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích xây dựng 47,3m², tổng diện tích xây dựng 73,5m², nhà có kết cấu tường gạch, sàn gỗ, mái tôn (01 tầng + lửng); diện tích đất 47,3m², tại thửa số 2, tờ bản đồ số 27, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Nguyễn Hữu Tr và cụ Nguyễn Thị R. Theo Di chúc lập ngày 01/6/2009 thì cụ Nguyễn Hữu Tr và cụ Nguyễn Thị R tặng cho toàn bộ nhà đất trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được Phòng Công chứng, chứng thực đúng qui định pháp luật, bà D là người hưởng di sản theo Di chúc của cụ Nguyễn Hữu Tr (chết ngày 04/7/2012) và cụ Nguyễn Thị R (chết ngày 03/9/2011). Do đó, ông B kháng cáo yêu cầu hủy Di chúc và chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Hữu Tr và cụ Nguyễn Thị R là không có cơ sở.

[3]. Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà D: Bà D định cư tại Mỹ từ năm 1998 và nhập quốc tịch Mỹ; bà D là người được hưởng di sản thừa kế nhà ở, đất ở tại Việt Nam và được quyền nhập cảnh vào Việt Nam; căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 Luật nhà ở năm 2014 thì bà D đủ điều kiện nhận thừa kế nhà ở tại Việt Nam. Do đó, kháng cáo của người đại diện bà D buộc ông B và những người đang ở tại căn nhà số 117 Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh phải giao trả nhà đất trên cho bà D là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xét công sức quản lý, giữ gìn nhà đất 117 Phan V T, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh: Theo trình bày của các đương sự thì căn nhà trên cụ Nguyễn Hữu Tr và cụ Nguyễn Thị R sinh sống cùng ông Bạch; đến năm 2011 – 2012 cụ R và cụ Tr chết, nhà đất trên do ông B ở quản lý từ năm 2012 đến nay là trên 10 năm; trong quá trình ở ông B trình bày không xây dựng, sửa chữa thêm nhà đất. Như vậy, ông B là người quản lý giữ gìn tài sản của bà D đang định cư tại nước ngoài, theo định giá nhà đất ngày 09/7/2015 là 4.845.542.000 đồng; ông B đã từng yêu cầu được hưởng 2/3 của một suất thừa kế của người được hưởng thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc là 807.590.333 đồng nhưng tại Bản án dân sự số 176/2017/DS-PT ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận. Nay bà D tự nguyện hỗ trợ công quản lý, giữ gìn nhà đất và chi phí di chuyển nơi ở khác cho ông B 2.000.000.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận.

[5]. Từ phân tích trên, ông B là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của ông B không phù hợp nên không chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Không chấp nhận đơn kháng cáo

của ông B; chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện cho bà D; chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm; ông B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do người cao tuổi nên được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B; chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện cho bà Nguyễn Thị Mỹ D; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 4646/QĐ-VKS-DS ngày 08/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 802/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 và khoản 2 Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 612, Điều 624, Điều 630, Điều 643 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B về yêu cầu chia thừa kế theo phần và yêu cầu huỷ di chúc liên quan đến căn nhà số 117 Phan V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D: Công nhận di chúc số 020679, quyền số 6 lập ngày 01/6/2009 tại Phòng công chứng số 2 của ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị R là hợp pháp.

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D hỗ trợ, trả công quản lý, gìn giữ nhà đất và chi phí di chuyển nơi ở cho ông Nguyễn Hữu B số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc ông Nguyễn Hữu B và những người đang ở tại căn nhà số 117 P V T, P 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh phải giao trả nhà đất trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ D.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu B được miễn. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu B số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 05115 ngày 22/4/2013 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo Biên lai thu số 09536 ngày 05/11/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu B được miễn.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường - Nguyễn Văn Minh

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý